TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2017/DS-ST
Ngày: 14-11-2017
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Ngọc Thúy;

2/ Ông Đăng Bích Thuận.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Toà án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 127/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền số 039/2017/UQ-TTT ngày 04/8/2017)

- *Bị đơn*: Anh Võ Hoàng A, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 131/1 đường K, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Trần Đức T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/8/2012, anh Võ Hoàng A có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S. Căn cứ vào thu nhập của anh Hoàng A, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng cho anh Hoàng A với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, anh Võ Hoàng A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.400.000 đồng. Từ ngày 20/9/2012 đến ngày 20/01/2013 thì số tiền lãi phát sinh, phí trễ hạn thanh toán, phí vượt định mức của số tiền đã giao dịch là 3.392.601 đồng. Từ khi kích hoạt thẻ đến nay, anh Võ Hoàng A không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào. Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Hoàng A vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 21/01/2013, Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bị đơn đã trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu anh Võ Hoàng A phải thanh toán một lần số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 14/11/2017 là 72.908.207 đồng (bảy mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó nợ gốc là 22.792.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.115.669 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Ngoài ra, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không còn yêu cầu nào khác.

Phía bị đơn là anh Võ Hoàng A đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện và tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ nhưng anh Hoàng A cố tình vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là ông Trần Đức T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Võ Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại

phiên tòa bị đơn anh Võ Hoàng A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, căn cứ vào các Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010, Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Võ Hoàng A có trách nhiệm thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ là 72.908.207 đồng (bảy mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 22.792.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.115.669 đồng. Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc: Ngân hàng TMCP S khởi kiện anh Võ Hoàng A yêu cầu thanh toán tiền vay theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 07/8/2012. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2]-Thẩm quyền theo lãnh thổ: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện bị đơn anh Võ Hoàng A có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 131/1 đường K, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án: Kể từ ngày 21/01/2013, anh Võ Hoàng A ngừng thanh toán tiền vốn, tiền lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP S. Ngày 04/4/2017, Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân quận S. Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn anh Võ Hoàng A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn

phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Ngày 07/8/2012, anh Võ Hoàng A có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S. Sau khi được cấp thẻ, anh Võ Hoàng A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.400.000 đồng. Từ khi kích hoạt thẻ, anh Võ Hoàng A không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào. Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Hoàng A vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 21/01/2013, Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bị đơn đã trễ hạn thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Võ Hoàng A phải thanh toán một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/11/2017 là 72.908.207 đồng (bảy mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó nợ gốc là 22.792.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.115.669 đồng.

Như vậy, anh Võ Hoàng A còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền 72.908.207 đồng (bảy mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng). Kể từ ngày 21/01/2013, bị đơn anh Võ Hoàng A không thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền nào khác dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở là vi phạm Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không phản đối và không chứng minh này. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc anh Võ Hoàng A phải thanh toán số tiền còn nợ là 72.908.207 đồng (bảy mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 22.792.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.115.669 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Theo nội dung án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì "Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này…"

Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh sau khi xét

xử của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật, án lệ số 08 ngày 17/10/2016 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Võ Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 149, các Điều 429, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 và án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1/ Buộc anh Võ Hoàng A phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 72.908.207 đồng (bảy mươi hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 22.792.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.115.669 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Võ Hoàng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Võ Hoàng A phải chịu 3.645.410 (ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm mười đồng) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.632.529 (một triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0027750 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận S;
- CCTHADS quận S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Trúc